

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
Khái quát về Công ty	2
Báo cáo tài chính riêng	3 – 40
Bảng cân đối kế toán	3-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6-7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 40

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 là **144.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 39).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Việ	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30.09.2016	Số đầu kỳ 01.01.2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		282.783.188.340	194.437.786.357
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.323.004.211	816.948.157
1.	Tiền	111	V.01	3.323.004.211	816.948.157
2.	Các khoản tương đương tiền	112			-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.950.000.000	3.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121			-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.950.000.000	3.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.359.584.930	101.845.563.268
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	144.067.620.212	84.524.360.890
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.813.217.691	9.068.552.295
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04		-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	6.478.747.027	8.252.650.083
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV.	Hàng tồn kho	140		102.366.811.972	85.924.731.170
1.	Hàng tồn kho	141	V.06		85.924.731.170
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		783.787.227	2.850.543.762
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	392.357.124	373.007.822
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		391.430.103	2.477.535.940
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30.09.2016	Số đầu kỳ 01.01.2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.176.618.191	128.554.336.250
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.332.845.400	2.332.845.400
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	2.332.845.400	2.332.845.400
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		96.724.798.438	98.818.143.733
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	75.875.122.004	75.806.707.880
	- Nguyên giá	222		116.197.804.617	107.892.339.917
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.322.682.613)	(32.085.632.037)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	20.849.676.434	23.011.435.853
	- Nguyên giá	225		23.652.466.363	23.652.466.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.802.789.929)	(641.030.510)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.554.000)	(48.554.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	4.841.371.918	4.679.475.464
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.841.371.918	4.679.475.464
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	33.959.238.556	18.279.238.556
1.	Đầu tư vào công ty con	251		18.279.238.556	18.279.238.556
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.680.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.318.363.879	4.444.633.097
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.318.363.879	4.444.633.097
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.959.806.531	322.992.122.607

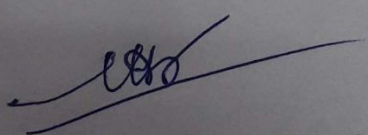
Đơn vị tính: VND

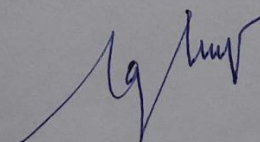
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30.09.2016	Số đầu kỳ 01.01.2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		264.300.272.302	216.526.391.525
I.	Nợ ngắn hạn	310		233.477.271.454	172.940.329.771
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	49.767.418.869	22.595.485.838
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.534.898.010	4.124.307.666
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.986.337.581	6.611.489.120
4.	Phải trả người lao động	314		619.636.848	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	282.199.565	274.057.103
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	148.068.435	650.465.472
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.472.728.166	718.086.894
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	164.677.489.214	137.677.466.116
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		988.494.766	288.971.562
II.	Nợ dài hạn	330		30.823.000.848	43.586.061.754
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	30.823.000.848	43.586.061.754
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			106.465.731.082
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	159.659.526.633	106.465.731.082
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.394.393.020	461.695.416
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.265.133.613	10.004.035.666
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.619.814.858	3.143.114.189
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.645.318.755	6.860.921.477
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.959.806.531	322.992.122.607

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 10 năm 2016







Trịnh Thị Luân

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

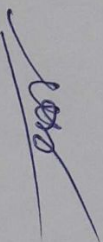
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	117.221.111.728	80.010.901.561	254.658.442.852	216.837.790.882
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		117.221.111.728	80.010.901.561	254.658.442.852	216.837.790.882
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	105.153.387.243	70.167.452.655	225.690.159.554	190.439.403.735
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.067.724.485	9.843.448.906	28.968.283.298	26.398.387.147
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	149.543.422	774.973.957	1.017.096.571	1.404.853.371
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.747.869.885	3.757.546.451	10.743.123.955	10.237.085.250
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.571.385.403	3.449.862.879	9.794.912.972	9.776.815.869
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.535.915.288	770.438.828	2.959.326.902	1.955.537.871
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.019.310.265	1.019.035.842	2.954.676.274	3.296.699.011
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.914.172.469	5.071.401.742	13.328.252.738	12.313.918.386
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	201.390	1.274.441	1.067.409	6.610.691
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1.627.324	28.354.097	17.499.652	310.672.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

13. Lợi nhuận khác	40	(1.425.934)	(27.079.656)	(16.432.243)	(304.061.534)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.912.746.535	5.044.322.086	13.311.820.495	12.009.856.852
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.182.874.772	1.112.906.560	2.666.501.740	2.707.434.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	4.729.871.763	3.931.415.526	10.645.318.755	9.302.422.655
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		409.52		969
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu

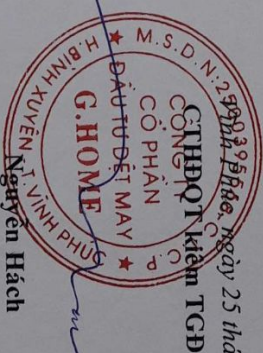


Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Huyền



Nguyễn Hách

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ 01 tháng 07 năm 2016 đến 30 tháng 09 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		67.205.165.890	85.410.792.639	220.201.562.938	223.549.293.925
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(81.785.842.253)	(76.831.931.748)	(247.627.271.423)	(211.392.539.795)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.953.942.238)	(4.148.645.523)	(5.212.363.534)	(11.968.128.522)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.790.030.549)	(3.700.699.269)	(10.269.661.051)	(9.783.460.586)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		555.753	9.170.030.287	985.322.442	15.171.255.978
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		(500.508.795)	(3.875.620.016)	(1.882.291.004)	(4.191.298.864)
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07					
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.824.602.192)	6.023.926.370	(43.804.701.632)	1.059.341.904

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ 01 tháng 07 năm 2016 đến 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư							
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(2.120.454.545)	(159.479.787)	(3.459.818.181)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-		-	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(950.000.000)		(54.950.000.000)	(13.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			7.060.000.000	54.000.000.000	7.060.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(11.800.000.000)	(15.680.000.000)	(11.800.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			6.100.000.000		6.100.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.334.049	89.498.146	834.317.067	706.902.075
8.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(902.665.951)	(670.956.399)	(15.955.162.720)	(14.392.916.106)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính							
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				48.000.000.000	
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		76.195.478.722	53.237.197.170	197.521.990.223	170.125.798.935
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.725.377.919)	(51.738.719.505)	(180.815.619.057)	(148.872.092.676)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(821.331.601)	(7.060.472.265)	(2.420.368.442)	(7.653.770.595)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		23.648.769.202	(5.561.994.600)	62.286.002.724	13.599.935.664
	1. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.921.501.059	(209.024.629)	2.526.138.372	266.361.462
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.407.203.143	1.397.326.539	816.948.157	922.926.874
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.699.991)	16.923.807	(20.082.318)	15.937.381
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.323.004.211	1.205.225.717	3.323.004.211	1.205.225.717

Người lập biểu

Trịnh Thị Luân

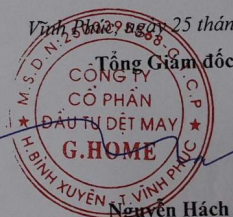
Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Hách

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty Cổ phần Texnam	Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.	95%	95%	95%

- Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty TNHH Golden Vtec	KCN Hải Sơn(GĐ 3+4), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	49%	49%	0%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao theo thời gian thuê trên hợp đồng thuê tài chính.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.151.131.068	736.383.724
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.171.873.143	80.564.433
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	3.323.004.211	816.948.157

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
3.950.000.000	3.950.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
3.950.000.000	3.950.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
3.950.000.000	3.950.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)

Cộng

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	18.279.238.556	18.279.238.556	18.279.238.556	-
+ Công ty Cổ phần Texnam(I)	18.279.238.556	18.279.238.556	18.279.238.556	-
-Đầu tư vào Công ty liên kết	15.680.000.000	15.680.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Golden Vtec(!!)	15.680.000.000	15.680.000.000	-	-
Cộng	33.959.238.556	33.959.238.556	18.279.238.556	18.279.238.556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (!): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600943070 ngày 28 tháng 07 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Texnam, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam số tiền 34.200.000.000 VND, tương đương 95,00% vốn điều lệ. Trong năm 2015 Công ty đã đầu tư 18.279.238.556 VND. Tại ngày kết thúc kỳ 30.9.2016, Công ty đã đầu tư 18.279.238.556 VND, tương đương 50,78% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam là 15.920.761.444 VND.
- (!!) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 110800773 thay đổi ngày 30 tháng 06 năm 2016 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp, tổng số vốn điều lệ là 32.000.000.000 VND.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Góp vốn đầu tư		-
Công ty TNHH Golden Vtec	15.680.000.000	-
- Chuyển nợ thành vốn góp	15.680.000.000	-
- Góp vốn bằng tiền	-	-

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>144.067.620.212</i>	<i>84.524.360.890</i>
- Công ty CP SX và thương mại Việt Hàn TLP	4.988.217.400	-
- Công ty TNHH Suntech Vina Việt Nam	5.514.116.740	-
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	18.018.237.600	16.061.691.600
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	115.547.048.472	68.462.669.290
Cộng	144.067.620.212	84.524.360.890

04. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>6.478.747.027</i>	-	<i>8.252.650.083</i>	-
- Tạm ứng	4.397.317.581	-	6.539.802.889	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	408.290.455	-
- Phải thu khác	2.081.429.446	-	1.304.556.739	-
+ Thuế GTGT hàng nhập	1.786.594.418	-	1.304.556.739	-
khấu chưa được khấu trừ	-	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	294.835.028	-	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	<i>2.332.845.400</i>	-	<i>2.332.845.400</i>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.332.845.400	-	2.332.845.400	-
Cộng	8.811.592.427	-	10.585.495.483	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	57.581.488.319	-	48.492.937.938	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.874.145	-	1.025.680.910	-
- Thành phẩm	14.139.556.354	-	3.921.011.345	-
- Hàng hoá	15.574.346.228	-	13.519.964.253	-
- Hàng gửi bán	15.057.546.926	-	18.965.136.724	-
Cộng	102.366.811.972	-	85.924.731.170	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	-
- Xây dựng cơ bản	-	4.679.475.464
+ Công trình đường bê tông, nhà ăn	-	-
+ Công trình Nhà điều hành	4.841.371.918	4.679.475.464
Cộng	4.841.371.918	4.679.475.464

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu kỳ</i>	28.138.251.816	75.977.286.285	3.776.801.816	107.892.339.917
- Mua trong kỳ	-	8.305.464.700	-	8.305.464.700
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	28.138.251.816	84.282.750.985	3.776.801.816	116.197.804.617
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu kỳ</i>	3.844.367.487	26.923.253.949	1.318.010.601	32.085.632.037
- Khấu hao trong kỳ	861.741.632	6.970.651.601	404.657.343	8.237.050.576
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	4.706.109.119	33.893.905.550	1.722.667.944	40.322.682.613
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	24.293.884.329	49.054.032.336	2.458.791.215	75.806.707.880
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	23.432.142.697	50.388.845.435	2.054.133.872	75.875.122.004

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 69.815.710.977 VND và 54.896.645.150 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	23.652.466.363	23.652.466.363
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	23.652.466.363	23.652.466.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	641.030.510	641.030.510
- Khấu hao trong kỳ	2.161.759.419	2.161.759.419
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.802.789.929	2.802.789.929
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	23.011.435.853	23.011.435.853
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	20.849.676.434	20.849.676.434

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	48.554.000	48.554.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>392.357.124</i>	<i>373.007.822</i>
- Chi phí bảo hiểm, bảo trì đường bộ	373.884.256	185.935.884
- Công cụ dụng cụ xuất dụng	18.472.868	187.071.938
<i>b. Dài hạn</i>	<i>3.318.363.879</i>	<i>4.444.633.097</i>
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.351.659.241	2.393.404.670
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	966.704.638	2.051.228.427
Cộng	<u>3.710.721.003</u>	<u>4.817.640.919</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng ngắn hạn	136.784.076.790	136.784.076.790	80.445.378.769	52.551.966.345	164.677.489.214	164.677.489.214
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a1)	119.769.161.501	119.769.161.501	67.847.032.167	47.949.906.616	148.014.733.607	148.014.733.607
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công	47.227.619.960	47.227.619.960	32.739.797.731	19.980.307.000	59.987.110.691	59.987.110.691
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a2) Ứng trước tiền trả lc			8.348.426.555		8.348.426.555	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa ^(b)	22.779.000.000	22.779.000.000	9.600.000.000	2.688.000.000	29.691.000.000	29.691.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	49.762.541.541	49.762.541.541	25.507.254.436	25.281.599.616	49.988.196.361	49.988.196.361
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	13.572.117.400	13.572.117.400	3.408.090.000	3.780.331.703	13.199.875.697	13.199.875.697
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (VND)	1.634.485.000	1.634.485.000	422.840.000	422.840.000	1.634.485.000	1.634.485.000
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)	1.498.679.200	1.498.679.200		379.195.000	1.119.484.200	1.119.484.200
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính	10.300.953.200	10.300.953.200	2.950.750.000	2.943.796.703	10.307.906.497	10.307.906.497
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa	138.000.000	138.000.000	34.500.000	34.500.000	138.000.000	138.000.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	3.442.797.889	3.442.797.889	841.810.047	821.728.026	3.462.879.910	3.462.879.910
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	2.705.853.338	2.705.853.338	669.841.826	652.527.961	2.723.167.203	2.723.167.203
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	736.944.551	736.944.551	171.968.221	169.200.065	739.712.707	739.712.707
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn Từ 1 năm đến 5 năm	35.072.631.654	35.072.631.654	269.241	4.249.900.047	30.823.000.848	30.823.000.848
	22.439.258.337	22.439.258.337	269.241	4.249.900.047	30.823.000.848	30.823.000.848

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>b.1 Vay ngân hàng</i>						
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN	22.439.258.337	22.439.258.337	269.241	4.249.900.047	30.823.000.848	30.823.000.848
+ Thành Công (VND) ^(a)	3.332.962.500	3.332.962.500		422.840.000	2.910.122.500	2.910.122.500
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN						
+ Thành Công (USD) (e)						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(f)	18.843.795.837	18.843.795.837		2.950.750.000	15.893.045.837	15.893.045.837
+ NH TMCP Đại chúng VN - CN	262.500.000	262.500.000		34.500.000	228.000.000	228.000.000
+ Đồng Đa ^(g)	12.633.373.317	12.633.373.317	269.241	841.810.047	11.791.832.511	11.791.832.511
<i>b.2. Nợ thuế tài chính</i>						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) ^(h)	11.251.697.530	11.251.697.530		669.841.826	10.581.855.704	10.581.855.704
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) ^(k)	1.381.675.787	1.381.675.787	269.241	171.968.221	1.209.976.807	1.209.976.807
Cộng	171.856.708.444	171.856.708.444	80.445.648.010	56.801.866.392	195.500.490.062	195.500.490.062

- (a1): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 37.15.058.946980 ngày 21 tháng 7 năm 2015 với giá trị hạn mức: Tối đa tại mọi thời điểm là 65.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 50.000.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 04 bất động sản của bên thứ ba, hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty.
- (a2): Là khoản Ngân hàng TMCP Quân Đội ứng trước tiền trả LC cho nhà cung cấp theo các hợp đồng.
- (b): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HDHMTD-TCKT-04/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động; lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi do Ngân hàng phát hành trị giá 3.000.000.000 đồng, thế chấp quyền đòi nợ từ 06 đối tác nước ngoài, thế chấp hàng hóa đã được giao cho đối tác trung gian, chưa chuyển bộ chứng từ gốc cho đối tác nhập khẩu và thế chấp hàng tồn kho luân chuyển đối với các mặt hàng xơ nguyên liệu và bông thành phẩm tại tất cả các kho hàng (trừ hàng hóa là mặt hàng bông, đệm đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Quân đội).
- (c): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 150027/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 02 tháng 02 năm 2015, với hạn mức 50.000.000.000 để bổ sung vốn lưu động; lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.
- (d): Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (e): Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.560 USD.
- (f): Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOMÉ/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOMÉ-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 8,8% đến 11,1%/năm.
- (g): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOMÉ ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- (h): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- (k): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,65810%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Kỳ này		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.160.936.230	339.604.629	821.331.601
Trên 5 năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỆM MẠI G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	1.160.936.230	339.604.629	821.331.601
-------------	----------------------	--------------------	--------------------

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	49.767.418.869	49.767.418.869	22.595.485.838	22.595.485.838
- Công ty CP XNK thương mại Box	8.778.000.000	8.778.000.000	-	-
- HUVIS CORPORATION	5.200.856.847	5.200.856.847		825.318.960
- Công ty CP hóa chất công nghệ cao TMC	7.553.688.650	7.553.688.650	-	-
- Công ty TNHH MTV thương mại Bảo Mỹ Long	3.977.542.900	3.977.542.900	111.726.400	111.726.400
- Guangxi Candenly Import And Export Co., LTD	3.240.025.000	3.240.025.000	3.266.850.000	3.266.850.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác			18.391.590.478	18.391.590.478
Cộng	49.767.418.869	49.767.418.869	22.595.485.838	22.595.485.838

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.759.469.988	462.381.203	112.771.273	-	2.109.079.918
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	327.307.527	-	-	-	327.307.527
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.160.736.575	1.182.874.772	-	-	7.343.611.347
- Thuế thu nhập cá nhân	-	206.338.789	-	-	-	206.338.789
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	<u>8.453.852.879</u>	<u>1.645.255.975</u>	<u>112.771.273</u>	-	<u>9.986.337.581</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<u>282.199.565</u>	<u>274.057.103</u>
- Chi phí lãi vay	282.199.565	274.057.103
Cộng	<u>282.199.565</u>	<u>274.057.103</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<u>152.728.166</u>	<u>718.086.894</u>
- Bảo hiểm xã hội	152.728.166	718.086.894
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		-
Cộng	<u>152.728.166</u>	<u>718.086.894</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>		
- Doanh thu nhận trước	148.068.435	650.465.472
Cộng	<u>148.068.435</u>	<u>650.465.472</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	96.000.000.000	-	4.297.352.729	100.297.352.729
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	11.660.361.842	11.660.361.842
- Tăng khác	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	461.695.416	(5.953.678.905)	(5.491.983.489)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
Số dư đầu kỳ này	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
- Tăng vốn trong kỳ	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	10.645.318.755	10.645.318.755
- Tăng khác	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	932.697.604	(6.384.220.808)	(5.451.523.204)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối cuối kỳ	144.000.000.000	1.394.393.020	14.265.133.613	159.659.526.633

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	144.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%
+ Công ty CP Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	25%	36.000.000.000	37,50%
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	18,54%	26.700.000.000	27,81%
+ Các đối tượng khác	81.300.000.000	56,46%	33.300.000.000	34,69%
Cộng	144.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	48.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	144.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Quỹ đầu tư phát triển	1.394.393.020	461.695.416
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	1.394.393.020	461.695.416

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	17.520,23	1.556,81

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
- Doanh thu bán hàng	68.434.331.221	36.603.292.668
- Doanh thu bán thành phẩm	48.049.314.828	42.985.794.761
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	737.465.679	421.814.132
Cộng	117.221.111.728	80.010.901.561

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	63.844.644.902	32.590.284.906
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	40.789.479.178	37.315.473.299
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	519.263.163	261.694.450
Cộng	105.153.387.243	70.167.452.655

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.334.049	345.838.152
- Lãi bán các khoản đầu tư		394.135.805
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.209.373	35.000.000
Cộng	149.543.422	774.973.957

04. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
- Lãi tiền vay	3.346.745.956	3.449.235.712
- Lãi tiền thuê tài chính	339.604.629	110.988.080
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	61.519.300	197.322.659
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	3.747.869.885	3.757.546.451

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2016</u>	<u>Quý III/2015</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	201.390	1.274.441
Cộng	201.390	1.274.441

06. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý III/2016	Quý III/2015
- Chi phí thuế GTGT không được hoàn		
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		
- Chi phí bồi thường		10.740.102
- Các khoản bị phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.627.324	17.613.995
- Chi phí khác	1.627.324	28.354.097
Cộng		

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III/2016	Quý III/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.019.310.265	1.019.035.845
- Chi phí nhân viên quản lý	414.550.867	486.282.704
- Chi phí vật liệu quản lý	10.143.500	63.148.797
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8.450.054	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	34.563.534	38.748.120
- Thuế, phí và lệ phí	37.490.991	300.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.011.354	318.308.767
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.301.355	112.157.454
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.535.915.288	770.438.828
- Chi phí nhân viên	196.415.613	197.156.127
- Chi phí vật liệu, bao bì	318.521.964	355.031.137
- Chi phí khấu hao TSCĐ	134.885.781	134.885.781
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	855.859.046	70.659.658
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	30.232.884	12.706.125
Cộng	2.555.225.553	1.789.474.670

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III/2016	Quý III/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.182.874.772	1.112.906.560
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.182.874.772	1.112.906.560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết xác định thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

	Quý III/2016
	5.912.746.535
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	
Chi phí lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế	
Chi phí thuế GTGT không được hoàn	1.627.324
Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	
- Các khoản điều chỉnh giảm	5.914.373.859
- Thu nhập tính thuế TNDN	20,00%
- Thuế suất thuế TNDN	1.182.874.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý III/2016	Quý III/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.444.198.307	28.405.425.586
- Chi phí nhân công	2.054.117.343	4.350.804.272
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.979.376.926	2.474.357.948
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.886.126.897	1.181.356.106
- Chi phí khác bằng tiền	48.432.849	124.863.579
Cộng	43.412.252.322	36.536.807.491

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ 30.9.2016, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ban điều hành	-	-
Cộng nợ phải thu	-	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý III/2016
Tiền lương	28.500.000
Cộng	28.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME
Công ty TNHH Golden Vtec
Công ty Cổ phần Texnam

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty
Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home
Công ty liên doanh liên kết
Công ty con

Tại ngày kết thúc kỳ các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME		-
+ Phải trả người bán ngắn hạn	1.228.778.554	-
+ Phải thu người bán ngắn hạn	7.441.393.250	5.486.756.446
Cộng nợ phải thu	6.212.614.696	5.486.756.446

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chần; hàng may mặc
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại bông, dệt, ruột chần, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực 1-SX	Lĩnh vực 2-TM	Lĩnh vực 3-DV	Cộng	Đơn vị tính: VND
Kỳ này					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.049.314.828	68.434.331.221	737.465.679	117.221.111.728	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	117.221.111.728	
Chi phí phân bổ	43.311.840.157	67.437.122.491	557.976.611	111.306.939.259	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.737.474.671	997.208.730	179.489.068	5.914.172.469	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.278.277.085	4.669.092.591	50.315.324	7.997.685.000	
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.484.538.092	2.114.356.299	22.784.839	3.621.679.230	
Cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	173.782.503.153	247.510.072.178	2.667.231.201	423.959.806.531	
Tài sản không phân bổ				-	
Tổng tài sản	173.782.503.153	247.510.072.178	2.667.231.201	423.959.806.531	
Nợ phải trả bộ phận	108.337.544.072	154.299.960.389	1.662.775.438	264.300.279.898	
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	108.337.544.072	154.299.960.389	1.662.775.437	264.300.279.898	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.323.004.211	-	816.948.157	-	3.323.004.211	816.948.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.149.049.658	-	95.109.856.373	-	146.149.049.658	95.109.856.373
Phải thu về cho vay		-	-	-		-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.950.000.000	-	3.000.000.000	-	3.950.000.000	3.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	33.959.238.556	-	-	-	33.959.238.556	-
Cộng	187.381.292.425	-	98.926.804.530	-	187.381.292.425	98.926.804.530

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	49.767.418.869	22.595.485.838	49.767.418.869	22.595.485.838
Vay và nợ	195.500.497.658	181.263.527.870	195.500.497.658	181.263.527.870
Chi phí phải trả	282.199.565	274.057.103	282.199.565	274.057.103
Các khoản phải trả khác	4.320.000.000	-	4.320.000.000	-
Cộng	249.870.116.092	204.133.070.811	249.870.116.092	204.133.070.811

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	49.767.418.869			49.767.418.869
Vay và nợ	164.677.489.214	30.823.000.848		195.500.490.062
Chi phí phải trả	282.199.565			282.199.565
Các khoản phải trả khác	4.320.000.000			4.320.000.000
Cộng	219.047.107.648	30.823.000.848		249.870.116.092
Số đầu kỳ				
Phải trả cho người bán	22.595.485.838	-	-	22.595.485.838
Vay và nợ	137.677.466.116	43.586.061.754	-	181.263.527.870
Chi phí phải trả	274.057.103	-	-	274.057.103
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	160.547.009.057	43.586.061.754	-	204.133.070.811

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thay đổi chính sách kế toán

Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tổng hợp trên Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 10 năm 2016

Trịnh Thị Luân

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách

